

KẾT QUẢ THI TIẾNG ANH - ĐỢT TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2011

Số TT	Mã hồ sơ	Đơn vị		Họ và tên	Ngày sinh		Quê quán	Điểm thông qua của HĐTD		Ghi chú
		Vị trí đăng ký	Đơn vị		Nam	Nữ		Điểm TA	KL	
1	2	7		3	4	5	6			
1	68	Giảng viên	K.Kế toán	Nguyễn Phương Linh	1/7/1989		Hà Nội	Miễn	Đạt	Mới bổ sung IELTS 5.5
2	49	Giảng viên	K.Kế toán	Trần Thị Thùy Linh		7/6/1989	Hà Nội	427	Không đạt	
3	41	Giảng viên	K.Kế toán	Trương Văn Tú	22/4/1987		Nghệ An	460	Đạt	
4	28	Giảng viên	K.Kế toán	Trần Thị Thanh Thủy		2/9/1987	Thanh Hóa	407	Không đạt	
5	4	Giảng viên	K.Kế toán	Phan Thị Thúy		15/5/1983	Nam Định	397	Không đạt	
6	84	Giảng viên	K.Kế toán	Phạm Thị Nga		7/6/1989	Thái Bình	373	Không đạt	
7	99	Giảng viên	K.Kế toán	Nguyễn Phi Long	8/10/1976		Hải Dương	Miễn	Đạt	
8	19	Giảng viên	K.Kế toán	Đỗ Thùy Trang		2/2/1987	Hà nội	497	Đạt	
9	65	Giảng viên	K.KH-PT	Phạm Thị Nhài		10/6/1989	Nam Định	363	Không đạt	
10	82	Giảng viên	K.KH-PT	Phạm Thị Xuân		10/10/1989	Bắc Ninh	367	Không đạt	
11	117	Chuyên viên	K.KH-PT	Nguyễn Thanh Tùng	18/2/1984		Nam Định	357	Không đạt	
12	133	Giảng viên	K.KH-PT	Nguyễn Phương Thảo		2/9/1989	Thanh Hóa	357	Không đạt	
13	7	Giảng viên	K.KHQL	Bùi Thị Hồng Quyên		26/6/1989	Thái Bình	377	Không đạt	

Số TT	Mã hồ sơ	Đơn vị		Họ và tên	Ngày sinh		Quê quán	Điểm thông qua của HĐTD		Ghi chú
		Vị trí đăng ký	Đơn vị		Nam	Nữ		Điểm TA	KL	
14	5	Giảng viên	K.KHQL	Mạc Thị Hải Yến		20/9/1989	Hải Dương	500	Đạt	
15	3	Giảng viên	K.KHQL	Nguyễn Thị Xuân Thúy		20-10-76	Hà Tây	Miễn	Đạt	
16	21	Giảng viên	K.KHQL	Phạm Thị Hiền		18/8/1999	Ninh Bình	443	Không đạt	
17	72	Giảng viên	K.Kinh tế học	Nguyễn Đức Hùng	15/10/1989		Vĩnh Phúc	480	Đạt	
18	47	Giảng viên	K.Kinh tế học	Phạm Xuân Nam	11/04/1989		Thái Bình	Miễn	Đạt	
19	36	Giảng viên	K.Kinh tế học	Lê Thanh Hà	02-09-90		Hải Dương	490	Đạt	
20	26	Giảng viên	K.Kinh tế học	Trương Như Hiếu	22/2/1989		Hà Nội	487	Đạt	
21	8	Giảng viên	K.Kinh tế học	Lê Mai Hương		25/8/1980	Hà Nội	Miễn	Đạt	
22	85	Giảng viên	K.Kinh tế học	Nguyễn Hữu Xuân	13/1/1981		Thanh Hóa	410	Không đạt	
23	87	Giảng viên	K.Kinh tế học	Đỗ Quỳnh Anh		15/10/1988	Hà Nội	496	Đạt	
24	122	Giảng viên	K.Kinh tế học	Hoàng Thị Thu Hương		01/05/1988	Thanh Hóa	503	Đạt	
25	147	Giảng viên	K.Kinh tế học	Nguyễn Thị Hà Trang		27/12/1989	Thái Bình	537	Đạt	
26	132	Giảng viên	K.KT&QLNL	Lý Linh Phương		21/10/1989	Hà Nội	433	Không đạt	
27	55	Giảng viên	K.KT&QLNNL	Nguyễn Ngọc Hiền		7/3/1989	Hà tây	460	Đạt	
28	50	Giảng viên	K.KT&QLNNL	Nguyễn Thị Như Ngọc		27/12/1989	Hà Nội	540	Đạt	
29	89	Giảng viên	K.KT&QLNNL	Đinh Kiều Oanh		12/10/1979	Hà Nội	503	Đạt	
30	92	Giảng viên	K.KT&QLNNL	Phạm Thị Thanh Huyền		28/2/1987	Hà Nội	483	Đạt	

Số TT	Mã hồ sơ	Đơn vị		Họ và tên	Ngày sinh		Quê quán	Điểm thông qua của HĐTD		Ghi chú
		Vị trí đăng ký	Đơn vị		Nam	Nữ		Điểm TA	KL	
31	103	Giảng viên	K.KT&QLNNL	Hoàng Thị Thu Trang		10/2/1983		Miễn	Đạt	
32	109	Giảng viên	K.KT&QLNNL	Hoàng Thị Thơi		7/6/1987	Hải Dương	363	Không đạt	
33	123	Giảng viên	K.KT&QLNNL	Nguyễn Thị Năng		26/6/1981	Bắc Giang	Miễn	Đạt	
34	137	Giảng viên	K.KT&QLNNL	Nguyễn Mai Anh		8/6/1990	Hưng Yên	417	Không đạt	
35	90	Giảng viên	K.LLCT	Nguyễn Thị Huyền Trang		5/9/1988	Sơn la	383	Không đạt	
36	94	Giảng viên	K.LLCT	Nguyễn Minh Hiếu		30/9/1986	Bắc giang	433	Không đạt	
37	98	Giảng viên	K.LLCT	Nguyễn Chí Thiện	9/12/1980		Hưng Yên	470	Đạt	
38	129	Giảng viên	K.LLCT	Nguyễn Thị Trang Nhung		10-06-87	Hưng Yên	340	Không đạt	
39	136	Giảng viên	K.LLCT	Nguyễn Thị Hồng		05/08/1988	Thái Bình	413	Không đạt	
40	144	Giảng viên	K.LLCT	Nghiêm Thị Lan Oanh		15/03/1987	hà nam	380	Không đạt	
41	145	Giảng viên	K.LLCT	Vũ Thị Huyền Trang		28/1/1989	Hà Nam	350	Không đạt	
42	54	Giảng viên	K.Luật	Nguyễn Minh Tâm	7/11/1989		Phú thọ	387	Không đạt	
43	77	Giảng viên	K.Luật	Lương Tuấn Sơn	8/5/1987		Phú thọ	450	Đạt	
44	127	Giảng viên	K.Luật	Phạm Thị Hằng Nga		08/08/1988	Nam Định	400	Không đạt	
45	139	Giảng viên	K.Luật	Nguyễn Bằng Trung		20/12/1978	Hưng Yên	Miễn	Đạt	
46	70	Giảng viên	K.NH-TC	Phạm Phương Trà		3/3/1990	Hà Nội	557	Đạt	

Số TT	Mã hồ sơ	Đơn vị		Họ và tên	Ngày sinh		Quê quán	Điểm thông qua của HĐTD		Ghi chú
		Vị trí đăng ký	Đơn vị		Nam	Nữ		Điểm TA	KL	
47	56	Giảng viên	K.NH-TC	Trần Thị Việt Liên		14/8/1989	Nam Định	433	Không đạt	
48	42	Giảng viên	K.NH-TC	Nguyễn Nhất Linh	11/9/1989		Thanh Hóa	513	Đạt	
49	40	Giảng viên	K.NH-TC	Phạm Phương Anh		17/10/1988	Hải phòng	557	Đạt	
50	35	Giảng viên	K.NH-TC	Phạm Phương Hằng		23/11/1987	Hải phòng	Miễn	Đạt	
51	30	Giảng viên	K.NH-TC	Ngô Thùy Huế		19/3/1990	Nghệ An	403	Không đạt	
52	27	Giảng viên	K.NH-TC	Trần Thị Lan Hương		04-11-89	Thái Bình	560	Đạt	
53	24	Giảng viên	K.NH-TC	Đào Minh Thu		31/1/1989	Hà tây	517	Đạt	
54	17	Giảng viên	K.NH-TC	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		26/7/1989	Thái Bình	457	Đạt	
55	14	Giảng viên	K.NH-TC	Phạm Quang Huy	22/2/1989		Hưng Yên	487	Đạt	
56	11	Giảng viên	K.NH-TC	Cao Đông Hưng	14/10/1984		Hải Dương	Miễn	Đạt	
57	9	Giảng viên	K.NH-TC	Nguyễn Thanh Thủy		22/11/1988	Hà Nội	Miễn	Đạt	
58	83	Giảng viên	K.NH-TC	Nguyễn Quang Huy	2/11/1989		Hà Nội	Miễn	Đạt	
59	106	Giảng viên	K.NH-TC	Lương Ngọc Chinh		3/11/1987	Hưng Yên	413	Không đạt	
60	108	Giảng viên	K.NH-TC	Nguyễn Lê Hoa		11/2/1983	Nghệ An	Miễn	Đạt	
61	111	Giảng viên	K.NH-TC	Trần Đức Đại	10/03/1987		Nghệ An	Miễn	Đạt	
62	115	Giảng viên	K.NH-TC	Đào Diệu Linh		22/8/1989	Hải phòng	543	Đạt	

Số TT	Mã hồ sơ	Đơn vị		Họ và tên	Ngày sinh		Quê quán	Điểm thông qua của HĐTD		Ghi chú
		Vị trí đăng ký	Đơn vị		Nam	Nữ		Điểm TA	KL	
63	120	Giảng viên	K.NH-TC	Phan Thanh Hiền		2/10/1987	Hà Nội	Miễn	Đạt	
64	128	Giảng viên	K.NH-TC	Trần Thị Khánh Ly		02/10/1989		460	Đạt	
65	58	Giảng viên	K.NNKT	Nguyễn Thị Thiên Hương		14/12/1986	Hải phòng	Miễn	Đạt	
66	86	Giảng viên	K.NNKT	Đào Thị Thu Hương		19/10/1988	Hải phòng	513	Không đạt	
67	91	Giảng viên	K.NNKT	Nguyễn Văn Sơn	4/9/1985		Hà Nội	Miễn	Đạt	Mới bổ sung IELTS 7.5
68	118	Giảng viên	K.NNKT	Phạm Thị Hải Hà		10/2/1988	Thái bình	567	Không đạt	
69	119	Giảng viên	K.NNKT	Nguyễn Thị Minh Thư		28/8/1988	Hưng Yên	540	Không đạt	
70	126	Giảng viên	K.NNKT	Lê Thị Thanh Huyền		06/08/1975	Nghệ An	470	Không đạt	
71	130	Giảng viên	K.NNKT	Nguyễn Duy Lợi	12/06/1981		Hà Nội	493	Không đạt	
72	134	Giảng viên	K.NNKT	Nguyễn Quỳnh Chang		21/10/1988	Hà Nam	Miễn	Đạt	
73	143	Giảng viên	K.NNKT	Nguyễn Thị Thanh Nhân		20/07/1983		600	Đạt	
74	146	Giảng viên	K.NNKT	Nguyễn Quỳnh Anh		29/5/1988	Hà Tây	467	Không đạt	
75	147	Giảng viên	K.NNKT	Bùi Thị Thanh Bình		17/08/1987	Hải phòng	513	Không đạt	
76	64	Giảng viên	K.QTKD	Nguyễn Thị Thanh Dung		29/9/1988	Hà tây	413	Không đạt	
77	63	Giảng viên	K.QTKD	Lại Mạnh Khang	2/12/1989		Thái Bình	557	Đạt	
78	53	Giảng viên	K.QTKD	Dương Công Doanh	22/8/1987		Bắc Ninh	470	Đạt	

Số TT	Mã hồ sơ	Đơn vị		Họ và tên	Ngày sinh		Quê quán	Điểm thông qua của HĐTD		Ghi chú
		Vị trí đăng ký	Đơn vị		Nam	Nữ		Điểm TA	KL	
79	37	Giảng viên	K.QTKD	Nguyễn Thị Nguyệt Anh		2/7/1985	Hà Tây	Miễn	Đạt	
80	29	Giảng viên	K.QTKD	Trần Thị Thanh Hà		17/9/1988	Hà Nam	400	Không đạt	
81	20	Giảng viên	K.QTKD	Trần Ngọc Duy	21/11/1987		Hà tây	Miễn	Đạt	
82	105	Giảng viên	K.QTKD	Phạm Thu Trang		11/7/1988	Thái bình	433	Không đạt	
83	116	Giảng viên	K.QTKD	Nguyễn Thu Giang		12/11/1980	Hà Nội	490	Đạt	
84	135	Giảng viên	K.QTKD	Đỗ Thúy Anh		24/11/1988	Hà Nội	440	Không đạt	
85	146	Giảng viên	K.QTKD	Nguyễn Hoàng Quyên		5/10/1982	Hà Nam	387	Không đạt	
86	48	Giảng viên	K.Thống kê	Nguyễn Đăng Khoa	14/6/1988		Thái Bình	480	Đạt	
87	140	Giảng viên	K.Thống kê	Lê Thị Hiền		10/02/1987	Hưng Yên	380	Không đạt	
88	67	Giảng viên	K.Tin học KT	Nguyễn Hải Vân		2/1/1986	Hà nội	Miễn	Đạt	
89	59	Giảng viên	K.Tin học KT	Phạm Thị Như Quỳnh		20/2/1989	Hưng Yên	360	Không đạt	
90	45	Giảng viên	K.Tin học KT	Dương Thị Nguyệt		18/11/1988		437	Không đạt	
91	51	Giảng viên	K.TM&KTQT	Trần Thị Huyền Trang		29/8/1985	Hưng Yên	457	Đạt	
92	34	Giảng viên	K.TM&KTQT	Nguyễn Diệu Linh		24/8/1985	Nghệ An	510	Đạt	
93	52	Giảng viên	K.Toán	Đào Bùi Kiên Trung	9/9/1989		Thanh Hóa	450	Đạt	
94	101	Giảng viên	K.Toán	Vũ Văn Quân	20/11/1985		Bắc giang	363	Không đạt	

Số TT	Mã hồ sơ	Đơn vị		Họ và tên	Ngày sinh		Quê quán	Điểm thông qua của HĐTD		Ghi chú
		Vị trí đăng ký	Đơn vị		Nam	Nữ		Điểm TA	KL	
95	138	Giảng viên	K.Toán	Hoàng Phi Dũng	19/11/1983		Nam Định	380	Không đạt	
96	142	Giảng viên	K.Toán	Nguyễn Thị Thu Trang		2/10/1986	Hưng Yên	483	Đạt	
97	145	Giảng viên	K.Toán	Hoàng Thị Phụng		13/8/1986	Thanh Hóa	347	Không đạt	
98	148	Giảng viên	K.Toán	Phạm Ngọc Duyên	1/1/1982			480	Đạt	
99	60	Giảng viên	K.KHQL	Ngô Sỹ Trung	15/5/1982		Thái Bình	493	Đạt	
100	80	Giảng viên	Khoa Thống kê	Nguyễn Thanh Hằng		15/9/1986	Hà Nội	Miễn	Đạt	
101	88	Chuyên viên	P.HTQT	Phạm Chu Thùy Dương		19/11/1991	Hải phòng	Miễn	Đạt	
102	96	Chuyên viên	P.HTQT	Phan Thanh Thủy		11/5/1989	Phú thọ	Miễn	Đạt	
103	102	Chuyên viên	P.HTQT	Nguyễn Thị Vân Dung		28/5/1987	Hà Nội	440	Không đạt	
104	1	Chuyên viên	P.TCCB	Nguyễn Hoàng	19/1/1989	29/1/1989	Hưng Yên	517	Đạt	
105	95	Chuyên viên	P.TCCB	Nguyễn Đức Khiêm	29/9/1989		Bắc Ninh	423	Không đạt	
106	69	Chuyên viên	Viện CSC&QL	Chu Ngọc Mai		14/10/1989	Hà Nội	480	Đạt	
107	124	Chuyên viên	Viện CSC&QL	Phan Thị Thanh Huyền		10/10/1988	Nghệ An	433	Không đạt	
108	150	Chuyên viên	Viện CSC&QL	Phan Hà Vân		6/3/1989	Nghệ An	Miễn	Đạt	
109	131	Chuyên viên	Viện Dân số	Trần Khánh	26/10/1985		Hà Nội	493	Đạt	
110	100	Chuyên viên	VP.CTTT	Chu Văn An	22/2/1983		Vĩnh Phúc	Miễn	Đạt	

Số TT	Mã hồ sơ	Đơn vị		Họ và tên	Ngày sinh		Quê quán	Điểm thông qua của HĐTD		Ghi chú
		Vị trí đăng ký	Đơn vị		Nam	Nữ		Điểm TA	KL	
111	104	Nhân viên	VP.Đoàn	Nguyễn Quang Điều	26/10/1986		Hà Tây	Miễn	Đạt	
112	18	Giảng viên		Nguyễn Thị Thanh Tâm		11/2/1989	Hà Tĩnh	433	Không đạt	
113	12	Giảng viên	K.KH	Dương Thùy Linh		13/11/1989	Thái nguyên	513	Đạt	
114	114	Chuyên viên		Nguyễn Quang Nội	18/11/1984		Hà tây	340	Không đạt	
115	149	Chuyên viên	VP.Đoàn	Lê Mai Anh Tuấn	01/11/1983		Thanh hóa	410	Không đạt	
116	151	Chuyên viên	P.HTQT	Nguyễn Thế Khánh	27/9/1980		Hà Tĩnh	350	Không đạt	

Số TT	Mã hồ sơ	Đơn vị		Họ và tên	Ngày sinh		Quê quán	Điểm thông qua của HĐTD		Ghi chú
		Vị trí đăng ký	Đơn vị		Nam	Nữ		Điểm TA	KL	
THÍ SINH CTTT BỔ SUNG CHO DỰ THI										
117	152	Giảng viên	K.NH-TC	Nguyễn Thế Hưng	24/10/1989		Hà Nội	Miễn	Đạt	
118	153	Giảng viên	K.NH-TC	Ngô Duy	9/9/1989		Hà Nội	Miễn	Đạt	
119	154	Giảng viên	K.NH-TC	Nguyễn Thị Huyền Trâm		22/10/1989	Nghệ An	Miễn	Đạt	

- Điểm chuẩn tiếng Anh**
- 1 Giảng viên các khoa chuyên ngành, và chuyên viên, nghiên cứu viên = 450 điểm
- 2 Giảng viên ngoại ngữ = 600 điểm
- 3 Chuyên viên phòng HTQT = 570 điểm
- 0 Nhân viên = không thi tiếng anh

Tổng hợp kết quả			
Tổng số ứng viên dự thi và xét tuyển		119	Tỷ lệ
Số Đạt tiếng Anh		69	57.98%
Trong đó, qua thi tuyển		41	
Số thi Đạt tiếng Anh qua thi tuyển/Tổng số thi tuyển			45.05%
Miễn thi		28	
Ứng viên Nam thi Đạt/ Tổng số thi Đạt		25	36.23%
Ứng viên Nữ thi Đạt/Tổng số Đạt		44	63.77%
Số thi không Đạt		50	42.02%

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

(Đã ký)

GS.TS. Nguyễn Văn Nam